TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:43/2017/DS-ST
Ngày: 05/ 9/ 2017
V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình, ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Bích Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Hiếu;

2. Ông Huỳnh Duy Thanh.

- Thư ký phiên toà: Ông Văn Nguyệt Tâm, Thư ký Toà án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang .

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân *thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa*: Ông Ngô Minh Tư, Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 .năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 258/2017/TLST-HN.GĐ ngày 21 tháng 8 năm 2017 tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 104/2017/QĐ.ST-HN ngày 21 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1989; địa chỉ: số 264, tổ 16, khóm H, thị trấn T, huyện B, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Nguyễn Hoàng K(S), sinh năm 1989; địa chỉ: số 266, đường L, khóm 1, phường M, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

Bà Nguyễn Thị Thu H có mặt, ông Nguyễn Hoàng K(S) vắng mặt (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/6/2017 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bà H trình bày: Bà và ông Nguyễn Hoàng K quen biết nhau do mai mối, vài tháng sau được gia đình hai bên đồng ý tổ chức lễ cưới, chung sống vào năm 2012, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố Châu Đốc. Sau lễ cưới bà và ông K sống cùng cha, mẹ ông K, vợ chồng phụ giúp mẹ chồng mua bán mỹ phẩm tại chợ Châu Đốc, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng V, sinh ngày 12/6/2014.

Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn: Khi mẹ chồng nóng giận xua đuổi vợ chồng bà nên ngày 16/6/2016 ông K đưa bà và con về nhà cha, mẹ bà sinh sống. Đến ngày 07/7/2016, ông K lấy cớ đưa con chung về thăm bà nội đang bệnh rồi cắt đứt quan hệ vợ chồng, mẹ con với bà. Trước đây bà đã làm đơn xin ly hôn tại Tòa án, trong quá trình giải quyết vụ án ông K muốn đoàn tụ nên bà đã rút lại yêu cầu xin ly hôn, nhưng sau đó vẫn không hàn gắn được, ông K có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác và không cho bà thăm con chung. Bà nhận thấy không hạnh phúc, yêu cầu được ly hôn với ông K.

Về con chung: Bà H yêu cầu được nuôi dạy con chung, yêu cầu ông K cấp dưỡng mỗi tháng 6.000.000 đồng để bà nuôi dạy con chung đến khi con trưởng thành.

Về tài sản chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại văn bản ý kiến phản hồi ngày 18/7/2017 ông K trình bày: Thống nhất với bà H về điều kiện và thời gian đi đến hôn nhân. Trên 01 năm trước bà H giận mẹ chồng bỏ về nhà cha, mẹ ruột tại huyện B sống cho đến nay, thương vợ con ông theo ở chung. Lúc này bà H làm khó ông và mẹ ông vì nhớ cháu nội, tức giận ông mang con quay trở lại nhà cha, mẹ ruột sống. Mặc dù nhiều lần ông tha thiết bà H quay trở về sống cùng ông, ông năn nỉ mẹ ruột cho bà H về nhưng bà H không một lần nói lời phải trái với người lớn, tỏ thái độ thách thức bằng các hình thức lập vi bằng về việc mẹ chồng không cho thăm con,... Bà H đến với ông vì tiền và tài sản, bởi bà H yêu cầu muốn đoàn tụ thì mẹ ông phải cho nhà, cho sạp, cho tiền kinh doanh riêng, còn yêu cầu các tổ chức chính trị áp đặt phải cho bà H bắt con trong khi vụ án đang được giải quyết. Sau một năm sống xa cách, ông chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H.

Về con chung tên Nguyễn Hoàng V, sinh ngày 12/6/2014, ông K trình bày ông đang nuôi dạy, cháu được chăm sóc chu đáo, không thiếu thốn bất kỳ thứ gì, ngoài ra ông còn thuê người chăm dạy để cháu phát triển trí não, hiện tại tâm lý cháu rất tốt. Ông K cho rằng ông đủ điều kiện nuôi dạy con chung, không yêu cầu bà H cấp dưỡng. Hiện tại có thu nhập từ cho thuê xe phục vụ đám cưới, kinh doanh bán mỹ phẩm,... chấp nhận cho bà H thăm con sau khi có bản án, quyết định của Tòa án.

Tòa án không tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được do bị đơn vắng mặt.

Tại phiên tòa, bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu.

Hội đồng xét xử công bố lời khai ông K và kết quả xác minh.

- Phát biểu của Kiểm sát viên:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý vụ án đã thực hiện đúng quy định tại Điều 48, Điều 203 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử , thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Về pháp luật nội dung, bà H và ông K chung sống có đăng ký kết hôn, căn cứ quy định khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình và tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, mặt dù ông K vắng mặt, có cung cấp bản khai, đồng ý ly hôn, qua xác minh nhận thấy bà H và ông K sống xa cách từ năm 2016, bà H không thiện chí gặp ông K để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét, tình trạng hôn nhân giữa bà H, ông K trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên công nhận sự thuận tình ly hôn giữa các đương sự. Về con chung cháu V đang sống cùng ông K, các bên đều có yêu cầu được nuôi con, xét thấy cuộc sống cháu V đã ổn định, để đảm bảo về mọi mặt để ông K tiếp tục nuôi dạy, bà H không phải cấp dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung bà H không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1]Về tố tụng:

Bà H khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông K. Ông K cư trú trên địa bàn thành phố Châu Đốc. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án Châu Đốc theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 1 điểm a Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Ông K vắng mặt tại phiên tòa, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, căn cứ quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông K.

[2]Về nội dung:

Bà H và ông K kết hôn trên cơ sở tự nguyện sau thời gian tìm hiểu, yêu thương nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố Châu Đốc vào ngày 14/11/2012 nên hôn nhân giữa các đương sự là hợp pháp, phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Bà H cho rằng, sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2016, nguyên nhân mâu thuẫn là khi mẹ chồng thường xuyên nóng giận thì xua đuổi vợ chồng bà, nên ông K và bà cùng con về sống với cha, mẹ bà tại thị trấn T, ông K lấy cớ cho con về thăm nội rồi cắt đứt quan hệ vợ chồng, mẹ con nên năm 2016 bà nộp đơn khởi kiện ly hôn, Tòa Châu Đốc đã xử bác đơn, bà kháng cáo lên tỉnh nhưng do K mong muốn đoàn tụ bà rút lại yêu cầu nên tòa tỉnh hủy đình chỉ.

Bà suy nghỉ kỷ thấy hôn nhân không hạnh phúc nên bà tiếp tục yêu cầu được ly hôn.

Ông K khai do bà H giận mẹ chồng, bỏ về nhà cha, mẹ ruột sinh sống, thương vợ ông theo về sống chung, bà H làm khó ông, mẹ ông nhớ cháu, ông mang con về nhà. Mặc dù nhiều lần tha thiết yêu cầu bà H quay về nhưng bà H bất chấp và đã cố tình bắt con (đi với nhiều người lợi dụng thăm con và tư thế chủ động bắt con) nên ông và mẹ ông không cho bắt con, chứ không phải không cho thăm con từ đó bà H có thái độ thách thức lập vi bằng việc mẹ chồng không cho thăm con, yêu cầu muốn đoàn tụ thì mẹ chồng phải cho nhà, cho tiền kinh doanh. Sau 01 năm sống xa cách, ông K chấp nhận yêu cầu của bà H.

Qua xác minh bà Y (mẹ chồng H) cho biết vợ chồng H, K trong thời gian sống cùng bà, do H có thái độ không tôn trọng người thân trong gia đình và cư xử với người giúp việc không tốt, bà la rầy thì bà H bỏ nhà đi từ tháng 5/2016 cho đến nay, ông K có theo một thời gian rồi quay trở về.

Xét thấy, vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, thương yêu cùng chia sẻ, thực hiện công việc trong gia đình nhưng với những lý do trên cho thấy vợ chồng H, K đã vi phạm nghĩa vụ, tình trạng hôn nhân trầm trọng, ông K đồng ý ly hôn với bà H là phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân gia đình, nên công nhận.

Về con chung, bà H và ông K thống nhất, trong thời chung sống, vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng V, sinh ngày 12/6/2014, thời gian vợ chồng sống xa cách, ông K là người trực tiếp nuôi dạy. Bà H và ông K đều có yêu cầu được nuôi con chung.

Tại biên bản ghi nhận ý kiến ngày 19/7/2017 bà H cho rằng trong thời gian sống xa cách ông K không trực tiếp nuôi con, không dành nhiều thời gian chăm sóc, giao con cho người giúp việc chăm sóc không tốt, người giúp việc không sạch sẽ, bị bệnh, chi phí nuôi dạy con chung do mẹ chồng lo, không rõ ông K có ngược đãi con hay không. Bà H cho rằng ông K và mẹ chồng không cho bà thăm con, bà đã lập vi bằng ghi nhận.

Tuy nhiên qua xác minh và yêu cầu cung cấp chứng cứ :

Bà H không cung cấp được việc K có quan hệ với người phụ nữ khác dẫn đến việc thiếu chăm sóc H và con chung.

Bà Ngô Kim U cho biết bà là người giúp việc cho gia đình ông K hơn 06 năm, thời gian giúp việc từ 6 giờ sáng đến 19 giờ, thời gian bà H còn chung sống với ông K, cháu V do bà chăm sóc, mẹ ông K hỗ trợ chi phí nuôi dạy, cả hai đều yêu thương cháu V, hiện tại sức khỏe của cháu rất tốt, ngoan hiền, gia đình chăm sóc cháu theo phương hướng hiện đại về các ăn ngủ, học nghe nhạc, tạo sự linh hoạt và phát triển tốt đối tuổi trẻ, riên bản thân bà không bệnh tật gì.

Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh Y cho biết trong thời gian bà H bỏ nhà đi, bà H có đến thăm con, nhưng không liên hệ trước, khi đến cùng với nhiều người lạ mặt xông vào nhà để bắt cháu V, nên bà có cản trở, việc nầy bà có trình báo đến chính

quyền địa phương; bà Y cũng xác định ông K luôn dành thời gian chăm sóc con, hiện tại sức khỏe và tâm lý cháu cháu V tốt. Ngoài ra ông K có thu nhập riêng từ việc cho thuê xe, được sự giúp đở của bà trong việc nuôi dạy con chung, bởi vợ chồng bà chỉ có 1 con chung duy nhất là K và cũng có 1 cháu nội đích tôn là V nên cũng mong mõi tòa chấp nhận cho K nuôi con chung.

Ban khóm 1, phường M cho biết, khi bà H đến thăm con thì gia đình ông K vẫn tạo điều kiện cho thăm, nhưng do H đến thì đi cùng nhiều người lạ và gia đình K ngăn cản việc thăm con vì sợ H lợi dụng việc thăm con để bắt con nên mẹ ông K có đến trình báo cho ban khóm biết. Ngoài ra ban khóm còn cho biết K chăm sóc con rất tốt, đây là gia đình khá ở địa phương nên con của K không thiếu bất cứ những gì và được nuôi dạy chăm sóc chu đáo.

Do đó việc bà H cho rằng ông K và gia đình cản trở việc bà thăm con và không đủ điều kiện nuôi dạy cháu V là không có cơ sở bởi qua xác minh xác định K có thu nhập ổn định từ kinh doanh cho thuê xe, bán mỹ phẩm và thuộc diện gia đình khá giả tại Châu Đốc. Ngược lại đối bà H hiện còn sống nhờ vào cha mẹ, chưa thu nhập ổn định, khi yêu cầu được nuôi con thì H có đề nghị cả việc K cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, với điều kiện kinh tế hiện tại của ông K và gia đình đảm bảo được việc nuôi dạy cháu V tốt, con chung đã trên 36 tháng tuổi, ông K đã trực tiếp nuôi dạy trên một năm nay, để tránh làm xáo trộn cuộc sống của cháu V và sự phát triển bình thường của cháu, Hội đồng xét xử chấp nhận để ông K tiếp tục nuôi dạy cháu V là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân – gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng, theo quy định pháp luật, bà H có nghĩa vụ cấp dưỡng để ông K nuôi dạy con chung. Tuy nhiên, ông K không yêu cầu, cho rằng ông đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dạy nên chấp nhận bà H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông K cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở bà H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về tài sản chung, bà H không yêu cầu giải quyết nên không đề cập đến.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, bà H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp. Ông K không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các 55, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Các Điều 147 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường

vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Thu H với ông Nguyễn Hoàng K (S);

Về con chung: Ông Nguyễn Hoàng K được tiếp tục nuôi dạy con chung Nguyễn Hoàng V, sinh ngày 12/6/2014; bà H không phải cấp dưỡng để ông K nuôi dạy con chung.

Ông K cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở bà H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về án phí: Bà H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2015/0014707 ngày 03 tháng 7 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc.

Ông K không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà H có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng ông K vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP. Châu Đốc(2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Hội thẩm nhân dân (2);
- CC.THADS TP. Châu Đốc(1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Bích Thủy